

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 324/2022/DS-PT
Ngày: 20-12-2022
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Thẩm phán:

Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Hà Thúy Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 262/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 316/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Lê Thị Hồng T, sinh năm 1981 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Đường L, khu phố T, phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1986 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ M, ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Đường L, khu phố T, phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Mộng T1, sinh năm 1999 (có mặt);

Địa chỉ: Khu H, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1980 (xin vắng mặt);

2. Bà Châu Thanh T3, sinh năm 1977 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Khu H, thị trấn M, huyện T, Tiền Giang.

3. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1995 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn chị Nguyễn Thị Mộng T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Nguyên đơn bà Lê Thị Hồng T và ông Nguyễn Văn H thống nhất trình bày:*

Do chỗ quen biết nên ông bà có cho chị Nguyễn Thị Mộng T1 vay số tiền 890.000.000 đồng, lãi suất là 2%/tháng để chị T1 làm ăn. Cụ thể:

- Ngày 10/10/2019 âm lịch (06/11/2019) số tiền 65.000.000 đồng.

- Ngày 15/10/2019 âm lịch (11/11/2019) số tiền 10.000.000 đồng.

- Ngày 01/11/2019 âm lịch (26/11/2019) số tiền 50.000.000 đồng.

- Ngày 07/12/2019 mượn 465.000.000 đồng, thời hạn trả 6 tháng.

- Ngày 29/11/2020 mượn 300.000.000 đồng, hạn 01/12/2020 trả.

Tổng cộng là 890.000.000 đồng.

Thời gian đầu chị T1 có đóng lãi đầy đủ, thời gian sau thì chị T1 cứ hứa hẹn mà không thấy chị T1 đóng lãi hay trả tiền theo thỏa thuận. Ông bà đã nhiều lần đến nhà chị T1, nhưng chị T1 cố tình trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ.

Nay ông bà yêu cầu chị T1 có nghĩa vụ trả số tiền 890.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1,66% từ ngày 01/12/2020 đến khi xét xử sơ thẩm. Thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T và ông H thống nhất cho anh C và chị T1 cùng liên đới trả số tiền 165.000.000 đồng; yêu cầu chị Nguyễn Thị Mộng T1 phải trả cho ông bà số tiền 725.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1,66% từ ngày 02/12/2020 đến khi xét xử sơ thẩm (làm tròn là 20 tháng).

** Bị đơn chị Nguyễn Thị Mộng Thùy trình bày:*

Chị thừa nhận tất cả các biên nhận của nguyên đơn cung cấp do chị viết và ký tên, không có ai ép buộc chị. Nhưng chị T1 chỉ thừa nhận chị và anh Nguyễn Văn C chỉ nợ 165.000.000 đồng. Chị T1 đồng ý cùng anh C trả cho ông H, bà T số tiền 165.000.000 đồng. Chị T1 không đồng ý trả số nợ còn lại. Ông T2, bà T3 là cha mẹ ruột chị T1, không liên quan gì khoản nợ trên. Ngoài ra, chị không yêu cầu gì khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T2 và bà Châu Thanh T3 thống nhất trình bày:*

Ông bà là cha mẹ ruột của Nguyễn Thị Mộng T1. Về việc chị Thuỳ mượn tiền của ông Nguyễn Văn H thì ông T2, bà T3 hoàn toàn không biết và cũng không nhận trả nợ thay cho chị Thuỳ. Giấy mượn tiền ông Nguyễn Văn H cung cấp cho Tòa án thì ông T2, bà T3 không biết, cũng không ký tên vào giấy mượn tiền. Vì vậy, ông T2, bà T3 không có nghĩa vụ trả tiền cho ông H.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn C trình bày:*

Anh C và chị T1 chung sống với nhau như vợ chồng. Trong thời gian chung sống, anh C, chị T1 có vay của ông H, bà T số tiền 165.000.000 đồng. Anh C đồng ý cùng chị T1 trả số tiền 165.000.000 đồng, các khoản tiền còn lại anh không biết. Ngoài ra, anh C không yêu cầu gì khác.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng các điều 463, 466, 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị Hồng T.

1. Ghi nhận chị Nguyễn Thị Mộng T1 và anh Nguyễn Văn C có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị Hồng T số tiền 165.000.000 đồng (một trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

2. Buộc chị Nguyễn Thị Mộng T1 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị Hồng T số tiền 965.700.000 đồng (chín trăm sáu mươi lăm triệu, bảy trăm nghìn đồng) (trong đó, vốn 725.000.000 đồng và lãi 240.700.000 đồng).

Thực hiện nghĩa vụ trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 24/8/2022, bị đơn chị Nguyễn Thị Mộng T1 có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị Hồng T về việc buộc chị phải trả cho ông H, bà T số tiền vay là 965.700.000 đồng (trong đó, vốn 725.000.000 đồng và lãi 240.700.000 đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm;

* Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ

khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Mộng T1 nộp đơn kháng cáo và thực hiện thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Ông Nguyễn Văn T2 và bà Châu Thanh T3 có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T2 và bà T3.

[2] Về nội dung kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Mộng T1 có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị Hồng T về việc buộc chị phải trả cho ông H, bà T số tiền vay là 965.700.000 đồng (trong đó, vốn 725.000.000 đồng và lãi 240.700.000 đồng).

Xét yêu cầu kháng cáo của chị T1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị Hồng T khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Thị Mộng T1 trả nợ vay 890.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1,66% từ ngày 02/12/2020 đến khi xét xử sơ thẩm; căn cứ vào Giấy mượn tiền ngày 10/10/2019 âm lịch (giấy này ghi nhầm ngày, thực tế chị T1 ghi giấy này vào ngày 01/11/2019 âm lịch; thể hiện các khoản vay ngày 10/10/2019 âm lịch, 15/10/2019 âm lịch và 01/11/2019 âm lịch), Giấy mượn tiền ngày 07/12/2019 và Giấy mượn tiền ngày 29/11/2020. Chị T1 thừa nhận chị tự nguyện viết và ký tên vào các giấy mượn tiền do ông H và bà T cung cấp, không bị đe dọa, ép buộc.

Ông H cho chị T1 vay tổng cộng 765.000.000 đồng theo các Giấy mượn tiền ngày 07/12/2019 và ngày 29/11/2020; bà T cho chị T1 vay tổng cộng 125.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 10/10/2019 âm lịch. Tuy nhiên, ông H và bà T cùng yêu cầu chị T1 trả chung cho ông bà tổng nợ gốc 890.000.000 đồng, không yêu cầu trả riêng các khoản nợ cho từng người. Xét thấy, ông H và bà T là vợ chồng, yêu cầu được nhận chung khoản tiền đã cho vay là chính đáng nên được chấp nhận.

Chị T1 và anh C thừa nhận có nợ ông H và bà T số tiền 165.000.000 đồng, đồng ý cùng liên đới trả số nợ này, được ông H và bà T chấp nhận. Nội dung

này được Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận và không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét.

Sau khi trừ số tiền 165.000.000 đồng, ông H và bà T chỉ yêu cầu chị T1 trả số nợ 725.000.000 đồng còn lại, kèm theo tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 02/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 09/8/2022, làm tròn 20 tháng. Chị T1 không thừa nhận nợ ông H và bà T số tiền 725.000.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình xét xử sơ thẩm đến nay, chị T1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh chị không nhận được số tiền này hoặc chứng minh việc viết Giấy mượn tiền của chị là do bị ép buộc, đe dọa. Chị T1 vay tiền của ông H và bà T nhưng hết hạn trả nợ theo thỏa thuận mà không trả tiền là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 466 Bộ luật Dân sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị T1 trả nợ gốc 725.000.000 đồng cho ông H và bà T là có căn cứ.

[2.2] Đối với tiền lãi: Do chị T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên ngoài nợ gốc, chị T1 còn phải trả lãi cho ông H và bà T.

Các Giấy mượn tiền do ông H và bà T cung cấp đều không thể hiện lãi suất cho vay. Tuy nhiên, ông H và bà T cho rằng có thỏa thuận miệng lãi suất là 2%/tháng, phía chị T1 lại trình bày lãi suất cho vay là 15%/tháng. Cả nguyên đơn và bị đơn đều không cung cấp được chứng cứ chứng minh thỏa thuận lãi suất, nhưng có cơ sở xác định quan hệ cho vay này giữa hai bên là có lãi. Việc nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi 1,66%/tháng từ ngày 02/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 09/8/2022, làm tròn 20 tháng là có lợi cho bị đơn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị T1 trả tiền lãi (của khoản nợ 725.000.000 đồng) với số tiền $725.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 20 \text{ tháng} = 240.700.000 \text{ đồng}$ là có căn cứ.

Chị T1 khai nại đã nhiều lần đóng lãi cho ông H và bà T nhưng không được ông H và bà T thừa nhận, chị T1 cũng không có chứng cứ chứng minh đã đóng lãi; đồng thời chị T1 cũng không yêu cầu gì đối với số tiền lãi đã đóng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Do ông H và bà T không yêu cầu ông T2, bà T3, anh C cùng chị T1 trả khoản nợ 725.000.000 đồng; ông T2, bà T3, anh C cũng không biết việc vay tiền của chị T1 và cũng không có hứa bảo lãnh nợ cho chị T1. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm của ông T2, bà T3, anh C.

Từ những phân tích trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử có căn cứ, đúng quy định pháp luật; chị T1 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên chị T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 296, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 463, 466, 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Mộng T1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang.

1/- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị Hồng T.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị Mộng T1 và anh Nguyễn Văn C có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị Hồng T số tiền 165.000.000 đồng (một trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

Buộc chị Nguyễn Thị Mộng T1 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị Hồng T số tiền 965.700.000 đồng (chín trăm sáu mươi lăm triệu, bảy trăm nghìn đồng) (trong đó, vốn 725.000.000 đồng và lãi 240.700.000 đồng).

Thực hiện nghĩa vụ trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thực hiện thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi chậm trả theo khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2/- Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Mộng T1 phải chịu 40.971.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị Mộng T1 Thù có nghĩa vụ liên đới chịu 8.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Lê Thị Hồng T và ông Nguyễn Văn H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông bà đã nộp là 20.236.440 đồng theo biên lai thu số 20997 ngày 22/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Chị Nguyễn Thị Mộng T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003188 ngày 24/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong.

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phong